

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định về chính sách thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỶ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 5228/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết quy định về chính sách thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số chính sách thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Các nội dung chính sách tại Nghị quyết này, nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng áp dụng chỉ được hưởng mức cao nhất của một trong các chính sách hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ trừ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và có dự án phải phù hợp với danh mục khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn của tỉnh Bến Tre.

b) Các cơ quan, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách tập trung đất đai đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách

1. Việc sử dụng đất phải nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Diện tích tập trung đất nông nghiệp quy định tại Điều 3 Nghị quyết này phải đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết này và tổng diện tích sử dụng phải liền kề nhau.

4. Hỗ trợ trực tiếp cho Doanh nghiệp sau khi hoàn thành việc tập trung đất nông nghiệp và đã đầu tư đưa đất vào sử dụng đúng mục đích được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

5. Doanh nghiệp được hưởng chính sách khuyến khích tập trung đất nông nghiệp đối với trường hợp thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đảm bảo thời gian thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng tối thiểu là 5 năm.

6. Dự án đầu tư của doanh nghiệp là dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và dự án phải phù hợp với danh mục khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn của tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Các loại hình tập trung đất đai

1. Thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp: Khuyến khích doanh nghiệp thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức khác để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

2. Góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp: Khuyến khích doanh nghiệp nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức khác để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

Điều 4. Diện tích tối thiểu, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Diện tích tối thiểu của đất nông nghiệp tập trung được hưởng chính sách tối thiểu là 10 ha.

2. Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp tập trung đất nông nghiệp

Nhà nước hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện tập trung đất nông nghiệp theo hình thức góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp hoặc hình thức doanh

nghiệp tự thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đang sử dụng đất nông nghiệp để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tập trung được hỗ trợ là 10 triệu đồng/ha nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng.

3. Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án

Đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được hỗ trợ một lần là 2 triệu đồng/ha.

4. Hỗ trợ thực hiện hồ sơ đất đai sau khi hoàn thành việc tập trung

Ngân sách hỗ trợ toàn bộ kinh phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi thực hiện tập trung đất nông nghiệp.

5. Nguồn kinh phí hỗ trợ:

Nguồn kinh phí hỗ trợ được trích từ ngân sách nhà nước. Trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện dự án có tập trung đất đai.
- Ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khóa IX Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2018./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ngành: TNMT, KHĐT, TC, TP, NN&PTNT
- Văn phòng UBND tỉnh
- Lãnh đạo VP.HĐND tỉnh (1b);
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Phòng TH – VP HĐND tỉnh (6b);
- Trang TTĐT HĐND tỉnh, Trung tâm TTĐT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Võ Thành Hạo